

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 653/2020/HC-PT
Ngày: 21 - 10 - 2020
V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 191/2020/TLPT-HC ngày 26 tháng 2 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2019/HCST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3121/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thủy T, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: đường L, Phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung Ngh, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: đường L1, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Người bị kiện:

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường 30/4, Phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/. Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Cùng địa chỉ: đường H, Phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Công - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, Ủy ban nhân dân thành phố M: Bà Lê Thị Bé Ph - Chức vụ: Phó Chủ tịch. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố M:

+ Bà Phạm Thị Trúc H, Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M. (có mặt)

+ Ông Nguyễn Văn D, Phó Giám đốc ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất thành phố M. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Công ty Cổ phần đầu tư T

Địa chỉ: Dãy E TT4 khu đô thị thành phố G, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư T tại Tiền Giang. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Tr, khu phố 5, Phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/. Công ty cổ phần xây dựng và phát triển T1.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Nguyễn Nhật S - Chức vụ: Tổng giám đốc. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thủy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thủy T trình bày:

Theo văn bản số 4767/ UBND-TN&MT ngày 08/8/2019, Ủy ban nhân dân thành phố M cho rằng việc thu hồi đất của bà T là để thực hiện khu dân cư dọc sông T, đây là công trình vì lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, trong toàn bộ hồ sơ thì không có tài liệu chứng cứ chứng minh dự án khu dân cư dọc sông T đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang thông qua để thực hiện việc thu hồi đất và cũng không có cơ sở để xác định kế hoạch sử dụng đất hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố M được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất. Theo các tài liệu do Ủy ban nhân dân thành phố M cung cấp thì có Báo cáo số 93/BC-HĐND về việc tổng hợp ý kiến Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thảo

luận nội dung kỳ họp thứ 12 ngày 10/12/2014, tại mục 3 có nội dung về việc đại biểu thống nhất danh mục thu hồi đất. Tuy nhiên, nội dung này lại không thể hiện rõ ràng chi tiết các danh mục đất được thu hồi và thông qua theo đề xuất của ai, có liên quan đến tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang hay không. Như vậy, người bị kiện chưa chứng minh được việc thu hồi đất này đã được thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang cho nên có cơ sở để khẳng định việc thu hồi đất đối với dự án khu dân cư dọc sông T là không có cơ sở pháp lý, dẫn đến việc thu hồi đất của bà T là không đúng về pháp luật, việc ban hành Quyết định 9716/QĐ-UBND là trái quy định pháp luật cho nên việc bà T yêu cầu hủy quyết định này là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Cũng tại văn bản này người bị kiện cho rằng Quyết định số 9952/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ cho bà Nguyễn Thủy T là phù hợp quy định pháp luật vì Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố M đã thuê công ty cổ phần giám định và thẩm định E tiến hành khảo sát theo đơn giá chuyển nhượng phổ biến tại địa phương và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt tại Công văn số 4662/UBND-KTN ngày 29/9/2015. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ do người khởi kiện giao nộp thì không có hồ sơ liên quan đến việc thẩm định giá này. Đồng thời, mức giá mà Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang bồi thường là thấp hơn giá chuyển nhượng thực tế rất nhiều.

Sau khi thu hồi đất của bà T, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đã ban hành Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 về việc giao đất cho Công ty cổ phần đầu tư T với hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất. Tuy nhiên, người bị kiện cũng không cung cấp số tiền đã thu của Công ty cổ phần đầu tư T là bao nhiêu để xác định đơn giá đã giao cho công ty. Theo bà T được biết giá trị đất giao cho công ty là trên 20 triệu đồng/m². Tuy nhiên, giá đất thu hồi của bà chỉ bằng 10% của giá đất giao cho công ty là không phù hợp. Theo bà T, nếu đây là công trình vì lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia thì không phải là việc giao đất cho bên thứ ba để xây dựng các công trình sau đó bán lại cho người dân có nhu cầu mà phải là việc xây dựng các công trình phục vụ chung cho cộng đồng mới phù hợp quy định pháp luật. Việc thu hồi đất của người dân để giao cho bên thứ ba dưới hình thức thu tiền sử dụng đất không phải là công trình vì lợi ích quốc gia mà đây là nhằm mục đích thương mại. Nếu thu hồi đất nhằm mục đích thương mại thì giá trị đất bị thu hồi đất phải cho người bị thu hồi đất và đơn vị được nhận quyền sử dụng đất thỏa thuận với nhau để giải quyết mới phù hợp với pháp luật.

Nay bà T yêu cầu như sau:

- Hủy Quyết định số 9716/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thủy T.
- Hủy Quyết định số 9952/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thủy T.

- Hủy Quyết định 6841/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà Nguyễn Thủy T.

- Hủy Quyết định 1777/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thủy T.

- Hủy Quyết định số 5956/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thủy T.

- Hủy Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Nguyễn Thủy T.

Tại Công văn số 4643/UBND-BTCD ngày 04/11/2019, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang trình bày:

Dự án Khu dân cư dọc sông T, thành phố M (giai đoạn 1) được Ủy ban nhân dân thành phố M phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 5073/QĐ-UBND ngày 11/7/2014. Trước khi phê duyệt đề án này có tổ chức lấy ý kiến trực tiếp bằng phiếu xin ý kiến vào ngày 23/6/2014. Kết quả, đại diện cộng đồng dân cư đều thống nhất chủ trương và mục tiêu của việc lập quy hoạch đô thị, đề nghị sớm triển khai thực hiện. Quyết định 5073/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 về phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết 1/500 được tổ chức công bố và niêm yết toàn bộ hồ sơ quy hoạch tại Ủy ban nhân dân phường.

Ngày 31/12/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 6618/UBND-KTN về việc giao triển khai Danh mục thu hồi đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, trong đó có Dự án Khu dân cư dọc sông T, địa điểm Phường 1, 4, 6, diện tích dự kiến thu hồi 73.126,5 ha.

Ngày 21/5/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang có Công văn số 2271/UBND-KTN ủy quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố M thu hồi đất đối với các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân bị ảnh hưởng trong dự án.

Ngày 10/11/2015, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 9716/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thủy T, ngụ khu phố 3, Phường 6, thành phố M.

Ngày 12/11/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 9952/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thủy T với số tiền là 581.360.127 đồng.

Ngày 22/8/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 6841/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ để thực hiện công trình Khu dân cư dọc sông T đối với bà Nguyễn Thủy T (bổ sung) với số tiền 17.937.500 đồng. Như vậy, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thủy T là 599.297.627 đồng.

Bà Nguyễn Thủy T không giao mặt bằng theo quyết định thu hồi đất, bà yêu cầu được mua lại phần đất phía trước (phần nằm trong dự án) để bà cất nhà đúng theo quy hoạch.

Do bà Nguyễn Thủy T không tự nguyện thi hành quyết định thu hồi đất nên ngày 05/4/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 1777/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất số 9716/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M đối với bà Nguyễn Thủy T. Cơ sở pháp lý để ban hành quyết định cưỡng chế là thực hiện theo các quy định sau: điểm d khoản 3 Điều 69, khoản 2 Điều 71 Luật đất đai 2013; khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai.

Đối chiếu quy định trên thì trong thời gian khiếu nại quyết định thu hồi đất, người khiếu nại có nghĩa vụ thực hiện Quyết định thu hồi đất, nếu không tự giác thực hiện quyết định thu hồi đất sẽ bị cưỡng chế.

Quyết định số 5956/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Nguyễn Thủy T là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật Khiếu nại năm 2011; đảm bảo về trình tự thủ tục theo quy định tại Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, về nội dung, cơ sở pháp lý thực hiện theo quy định tại Điều 62, Điều 69, Điều 71 Luật đất đai 2013 và Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức đối thoại với người khiếu nại và kết luận:

Dự án Khu dân cư dọc sông T nhằm chỉnh trang đô thị phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thủy T là thực hiện theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân thành phố M thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với bà Nguyễn Thủy T phù hợp với quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thủy T không chấp hành Quyết định số 9716/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M về việc thu hồi đất, nên Chủ tịch UBND thành phố M ban hành Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 về việc cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất số 9716/QĐ-UBND đối với bà Nguyễn Thủy T là đúng theo quy định pháp luật.

Quyết định số 5956/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đảm bảo về nội dung, thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Từ các cơ sở căn cứ trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thủy T là phù hợp pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M trình bày:

Đối với Quyết định số 9716/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M về việc thu hồi đất:

Dự án khu dân cư dọc sông T (giai đoạn 1) là dự án chỉnh trang đô thị với mục tiêu kinh tế - xã hội là: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật kết hợp với công trình hạ tầng xã hội và khu nhà ở hình thành khu dân cư đáp ứng nhu cầu về chỉnh trang đô thị, hoàn thiện quy hoạch chung thành phố M theo hướng hiện đại, hoàn chỉnh các tiêu chí đô thị loại 1 góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngày 12/8/2013, Ủy ban nhân dân thành phố M có Công văn số 53/UBND-VP gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xin chủ trương mời gọi đầu tư Dự án Khu dân cư dọc sông T.

Ngày 02/10/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang có công văn số 4483/UBND-CN đồng ý chủ trương giao Ủy ban nhân dân thành phố M tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án.

Ngày 11/7/2014, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 5073/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư dọc sông T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1) và có triển khai đến các hộ dân trong khu vực bị ảnh hưởng công trình.

Ngày 25/8/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang có Công văn số 4051/UBND-ĐTĐD về việc triển khai thực hiện dự án Khu dân cư dọc sông T thành phố M (giai đoạn 1).

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật đất đai, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 264/TTr-UBND ngày 24/11/2014 trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất, trong đó có dự án Khu dân cư dọc Sông T. Ngày 27/11/2014, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang có Công văn số 514/HĐND-KTNS về việc lấy ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân thông qua Danh mục thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư 2015. Nội dung văn bản này thể hiện, Danh mục thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư 2015 được trình đến từng đại biểu cho ý kiến, sau đó Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của tất cả các đại biểu (không ban hành Nghị quyết về các nội dung nêu trên). Ngày 10/12/2014, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Báo cáo số 93/BC-HĐND tổng hợp ý kiến của tất cả các đại biểu, trong đó có nêu các đại biểu thống nhất thông qua danh mục thu hồi đất theo Tờ trình số 264/TTr-UBND. Báo cáo này được thông qua tại kỳ họp thứ XII của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 21/5/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang có Công văn số 2271/UBND-KTN về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định thu hồi đất đối với các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng trong dự án Khu dân cư dọc sông T (giai đoạn 1).

Dự án Khu dân cư dọc sông T (giai đoạn 1) nằm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của thành phố M được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt tại Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 05/8/2015.

Ngày 10/11/2015, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 9716/QĐ-UBND về việc thu hồi 96,8m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 45 và 12,5m² đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Nguyễn Thủy T tại khu phố 3, Phường 6, thành phố M để thực hiện Dự án khu dân cư dọc sông T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1). Quyết định đã được triển khai đến bà Nguyễn Thủy T vào ngày 02/6/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố M.

Theo quy định tại Điều 63 Luật Đất đai năm 2013 thì việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải dựa trên các căn cứ sau đây:

1. Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật này;
2. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
3. Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án.

Việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thủy T được thực hiện theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện dự án Khu dân cư dọc sông T - thành phố M (giai đoạn 1) và theo đúng quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng vì đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận.

Đối với Quyết định số 9952/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thủy T (gồm: đất; nhà; công trình phụ và cây trái hoa màu):

Bồi thường đất: Căn cứ vào Điều 5 Chương II Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, quy định: “Giá đất để tính bồi thường phải phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng đã chuyển nhượng do tổ chức có chức năng tư vấn xác định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt”. Theo đó, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố M đã thuê Công ty cổ phần Giám định và Thẩm định E khảo sát theo đơn giá chuyển nhượng thực tế và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt tại Công văn số 4662/UBND-KTN ngày 29/9/2015.

Bồi thường nhà ở, vật kiến trúc và công trình phụ: căn cứ Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 04/09/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc ban hành bảng đơn giá xây dựng nhà ở và vật kiến trúc thông dụng trên địa

bàn tỉnh Tiền Giang.

Bồi thường cây trái hoa màu: căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại cây trái, hoa màu và vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất.

Chính sách hỗ trợ: căn cứ theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Đối với Quyết định số 6841/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thủy T (bổ sung kinh phí bồi thường diện tích 12,50m² đất nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất): Căn cứ Điều 12 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Đối với Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thủy T: Ngày 03/01/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố kết hợp phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, Ủy ban nhân dân Phường 6, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Phường 6 đã tổ chức vận động, thuyết phục nhưng bà Nguyễn Thủy T không chấp hành việc bàn giao mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố M.

Ngày 05/4/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 1777/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất số 9716/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M đối với bà Nguyễn Thủy T. Quyết định đã được triển khai và giao cho bà Nguyễn Thủy T ngày 12/4/2017 và đã được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân Phường 6 và Điểm sinh hoạt văn hóa khu phố 3, Phường 6, thành phố M.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 về việc cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thủy T là đúng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai: “Trường hợp người có đất thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng thì Ủy ban nhân dân cấp xã, ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện.

Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật này”.

Đối với Quyết định số 5986/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thủy T: Ngày 20/4/2017, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 2187/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thi hành Quyết định thu hồi đất số 9716/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 đối với bà Nguyễn Thủy T. Ban thực hiện cưỡng chế đã tiến hành vận động, thuyết phục, đối thoại với bà Nguyễn Thủy T ngày 11/5/2017 tuy nhiên bà T không chấp hành thực hiện quyết định thu hồi đất.

Đến ngày 31/7/2017 các thành viên Ban thực hiện cưỡng chế theo Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố M đã tiến hành thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thủy T theo Phương án số 2505/PA- BTHCC ngày 24/4/2017 đã được Ủy ban nhân dân thành phố M phê duyệt tại Công văn số 2654/UBND-VP ngày 27/4/2017.

Ngày 18/7/2018, bà Nguyễn Thủy T có đơn khiếu nại việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất và tài sản gắn liền với đất của bà là trái quy định pháp luật.

Nhận thấy, Ban thực hiện cưỡng chế đã tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thủy T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 70, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Đối chiếu trình tự, thủ tục nêu trên, ngày 20/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 5986/QĐ-UBND, bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thủy T, ngụ số 108/5 Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố M là phù hợp quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần đầu tư T trình bày: Công ty quản lý thửa đất của hộ bà T vào ngày 31/7/2017, hiện đã có quyết định giao đất số 130/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất được giao và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 07783 ngày 26/11/2018. Hiện tại đơn vị đang thi công công trình nhà ở liền kề trên phần diện tích đất được giao. Về yêu cầu của người khởi kiện, Công ty cổ phần đầu tư T không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển T1 trình bày: Công ty không có liên quan đến vụ khiếu kiện nên xin không tham gia tất cả các quá trình xét xử vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2019/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 61, 62, 63, khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75, điểm đ khoản 4 Điều 114, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 15

Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thủy T về khiếu kiện hủy các quyết định sau:

Quyết định số 9716/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Khu dân cư dọc sông T thành phố M, tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1);

Quyết định số 9952/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ để thực hiện công trình Khu dân cư dọc sông T, thành phố M (giai đoạn 1) đối với hộ bà Nguyễn Thủy T;

Quyết định số 6841/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ để thực hiện công trình Khu dân cư dọc sông T, thành phố M (giai đoạn 1) đối với hộ bà Nguyễn Thủy T;

Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc cưỡng chế để thi hành quyết định thu hồi đất;

Quyết định số 5956/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thủy T;

Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thủy T (lần hai).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 10/12/2019, người khởi kiện bà Nguyễn Thủy T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thủy T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: dự án Khu dân cư Sông T không phải là dự án vì mục đích công cộng, dự án này không có ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thông qua việc thực hiện dự án bằng Nghị quyết. Nội dung Báo cáo số 93 ngày 10/12/2014 là không đúng về hình thức lẫn nội dung, thủ tục ban hành. Người bị kiện căn cứ vào Báo cáo số 93 cho rằng việc thu hồi đất đã thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh là không có căn cứ vì báo cáo này không nêu được việc thông qua tờ trình nào, bằng hình thức nào. Về giá bồi thường không phù hợp, kết quả định giá của đơn vị định giá không đúng, giá đất thực tế cao hơn nhiều lần so với giá trị định giá. Do đó, việc ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại cũng không phù hợp pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Phía bà T cho rằng dự án chưa được Hội đồng nhân dân thông qua, nhưng tại văn bản người bị kiện cung cấp cho Tòa, Hội đồng nhân dân tỉnh đã xác định dự án đã được Hội đồng nhân dân thông qua năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang không ban hành Nghị quyết đối với dự án là thiếu sót, tuy nhiên Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua các dự án tại tỉnh Tiền Giang nên thiếu sót này không nghiêm trọng. Bản án sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà T là phù hợp. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thủy T làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần đầu tư T, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển T1 có đơn xin không tham gia các phiên tòa từ cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thủy T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 9716/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M; Quyết định số 9952/QĐ-UBND ngày 12/11/2015, Quyết định số 6841/QĐ-UBND ngày 22/8/2016, Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 và Quyết định số 5956/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M; Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Xét tính hợp lệ, có căn cứ của Quyết định số 9716/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M:

Quyết định số 9716/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M thu hồi đất của bà Nguyễn Thủy T để thực hiện Dự án khu dân cư

dọc sông T theo Quyết định số 5073/QĐ-UBND ngày 11/7/2015 của UBND thành phố M về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư dọc sông T, thành phố M (giai đoạn 1) và Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của thành phố M được duyệt tại Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang.

Trước khi có quyết định thu hồi đất, Phòng Quản lý đô thị thành phố M đã ban hành kế hoạch họp dân số 343/KH-PQLĐT ngày 19/6/2014 lấy ý kiến về nội dung quy hoạch chi tiết và đã được đa số người dân đồng tình. Ngày 24/11/2014, UBND tỉnh có Tờ trình số 264/TTr-UBND trình Hội đồng nhân dân thông qua danh mục các công trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội, trong đó có dự án Khu dân cư dọc sông T. Ngày 27/11/2014, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Công văn số 514/HĐND-KTNS về việc lấy ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thông qua danh mục thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2015. Ngày 10/12/2014, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có báo cáo số 93/BC-HĐND tổng hợp ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thảo luận và thống nhất về danh mục thu hồi đất. Như vậy, về mặt hình thức Hội đồng nhân dân không ban hành văn bản dưới dạng Nghị quyết để thông qua là có sai sót; tuy nhiên, về nội dung thì dự án này đã được đại biểu Hội đồng nhân dân thông qua; đồng thời cũng được đa số người dân địa phương ủng hộ thực hiện. Do đó, người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 9716/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Khu dân cư dọc sông T thành phố M, tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1) là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét tính hợp lệ, có căn cứ của Quyết định số 9952/QĐ-UBND, 6841/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất:

Bà T đồng ý về kết quả kiểm kê loại đất, vị trí đất, tài sản trên đất song cho rằng mức giá bồi thường không thỏa đáng, quá thấp so với giá trị đất UBND thành phố M giao cho chủ đầu tư thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy UBND thành phố M ban hành Quyết định số 9952/QĐ-UBND, Quyết định số 6841/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất cho bà T theo bảng giá thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UB ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Tiền Giang (có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất), trong đó có tham khảo đơn giá đã được Công ty cổ phần giám định và thẩm định E thẩm định là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 69 Luật Đất đai, Điều 15, 16, 17 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về đơn giá đất. Bà T cho rằng mức giá bồi thường không đúng với thực tế và yêu cầu hủy Quyết định số 9952/QĐ-UBND và Quyết định số 6841/QĐ-UBND của UBND thành phố M là không có căn cứ.

[2.3] Xét tính hợp lệ, có căn cứ của Quyết định số 1777/QĐ-UBND, 5956/QĐ-UBND, 835/QĐ-UBND:

Sau khi UBND thành phố M ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất, UBND Phường 6, thành phố M ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 04/4/2016 vận động bà T thực hiện

quyết định thu hồi đất và đã nhiều lần mời bà T đến làm việc vận động, thuyết phục nhưng bà T không thực hiện. Ngày 05/4/2017, Chủ tịch UBND thành phố M ban hành Quyết định số 1777/QĐ-UBND cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất đối với bà T là đúng với quy định tại Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai.

Chủ tịch UBND thành phố M ban hành Quyết định số 5956/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 835/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thủy T có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thủy T không có căn cứ chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thủy T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thủy T.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2019/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 61, 62, 63, khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75, điểm đ khoản 4 Điều 114, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 15 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tuyên xử:

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thủy T về khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định sau:

Quyết định số 9716/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố M về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Khu dân cư dọc sông T thành phố M, tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1);

Quyết định số 9952/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ để thực hiện công trình Khu dân cư dọc sông T, thành phố M (giai đoạn 1) đối với hộ bà Nguyễn Thủy T;

Quyết định số 6841/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân thành phố M về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ để thực hiện công trình Khu dân cư dọc sông T, thành phố M (giai đoạn 1) đối với hộ bà Nguyễn Thủy T;

Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc cưỡng chế để thi hành quyết định thu hồi đất;

Quyết định số 5956/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thủy T;

Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thủy T (lần hai).

2/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thủy T phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001198 ngày 10/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang. Đương sự đã thực hiện xong.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Tô Ngọc

Phạm Trí Tuấn

Hoàng Thanh Dũng